TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN AN** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 48/2024/DS-ST Ngày: 24-5-2024 V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Kim Uyên

Bà Mai Thị Kim Hương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Hữu Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú tại: Số C Đường H, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú tại: Số A Đường N, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

(Ông C và bà X vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 01 năm 2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Văn C trình bày:

Do quen biết nên ông C có cho bà Nguyễn Thị Thanh X vay tiền nhiều lần, cụ thể: vào ngày 12 tháng 6 năm 2021, cho bà X vay số tiền 20.000.000 đồng; ngày 15 tháng 6 năm 2021, cho bà X vay số tiền 40.000.000 đồng. Cả hai lần cho bà X vay đều không thỏa thuận lãi suất, mục đích vay để tiêu xài cá nhân. Việc vay tiền được bà X lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của bà X. Thời hạn vay của mỗi lần vay tiền là 01 tháng kể từ ngày ký giấy biên nhận. Tuy nhiên hết thời hạn vay cho đến nay đã hơn 02 năm

nhưng bà X vẫn không trả nợ; ông C nhiều lần liên hệ nhắc nhở yêu cầu bà X trả nợ nhưng bà X hứa hẹn và sau đó lẫn tránh không thực hiện nghĩa vụ.

Nay ông C khởi kiện yêu cầu bà X trả hết số tiền nợ là 60.000.000 đồng một lần, không yêu cầu tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Nguyễn Thị Thanh X nhưng bà X vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông C.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu không hòa giải, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Theo Giấy mượn tiền ghi ngày 12/6/2021 và 15/6/2021 do bà Nguyễn Thị Thanh X viết và ký tên thể hiện bà X có vay của ông C số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay của mỗi lần ký giấy mượn tiền là 01 tháng kể từ ngày viết "Giấy mượn tiền". Như vậy, có đủ căn cứ xác định giữa ông C và bà X đã xác lập giao dịch vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo Điều 463 và Điều 470 Bộ luật Dân sự. Hết thời hạn thỏa thuận, bà X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho ông C nên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C được pháp luật bảo vệ. Do đó, ông C khởi kiện yêu cầu bà X trả một lần số nợ còn thiếu 60.000.000 đồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của ông C không yêu cầu bà X trả lãi. Bà X phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Phạm Văn C khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị Thanh X có địa chỉ cư trú tại Phường D, thành phố T, tỉnh Long An về yêu cầu bà X trả số nợ còn thiếu là 60.000.000 đồng. Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về xét xử vắng mặt các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông C khởi kiện bà Nguyễn Thị Thanh X yêu cầu trả số nợ đã vay là 60.000.000 đồng, trả một lần và không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là 02 bản gốc tờ "Giấy mượn tiền" đề ngày 12/6/2021 và ngày 15/6/2021 bà X tự viết và ký tên. Nội dung của Giấy mượn tiền thể hiện bà X có vay của ông Phạm Văn C số tiền tổng cộng của hai lần là 60.000.000 đồng, thời hạn vay: 01 tháng kể từ ngày ký "Giấy mượn tiền". Trong Giấy

mượn tiền không thể hiện việc thỏa thuận lãi suất khi vay và nguyên đơn xác định không tính lãi đối với bị đơn. Như vậy, có đủ căn cứ xác định giữa ông C và bà X đã có xác lập giao dịch vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo Điều 463 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, bà X không trả nợ cho ông C mặc dù đã được ông C nhắc nhở nhiều lần nhưng bà X lẫn tránh và đã để nợ quá hạn, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C.

[5] Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà X theo Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà X vắng mặt không lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông C. Điều này cho thấy bà X đã biết được việc khởi kiện của ông C và mặc nhiên thừa nhận chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng vẫn không có thiện chí thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Như vậy, từ những tình tiết và chứng cứ như đã nêu trên, có đủ cơ sở xác định ngày 12/6/2021 bà X có vay của ông C số tiền 20.000.000 đồng; ngày 15/6/2021, bà X có vay của ông C số tiền 40.000.000 đồng; tổng cộng bà X có vay và còn nợ của ông C số tiền là 60.000.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ theo quy định tại các điều: 274, 463, 470 Bộ luật Dân sự, bà X phải có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền nợ vay còn thiếu là 60.000.000 đồng.

[7] Về phương thức thanh toán nợ: Ông C yêu cầu bà X trả một lần số nợ vay còn thiếu và không yêu cầu tính lãi. Thấy rằng, do bà X vi phạm nghĩa vụ đã cam kết làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C được pháp luật bảo vệ do đó việc ông C yêu cầu bà X trả nợ một lần là có căn cứ.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà X phải chịu 3.000.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 thán 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 5, 35, 39, 147, 238, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều: 280, 470, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh X phải trả cho ông Phạm Văn C số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng theo "Giấy mượn tiền" ngày 12 tháng 6 năm 2021 và ngày 15 tháng 6 năm 2021.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh X phải chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

- Bị đơn ông Phạm Văn C không phải chịu án phí nên hoàn trả cho ông C số tiền tạm ứng án phí là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số

0001379 ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THADS tp. Tân An;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS vụ án, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Toàn Vẹn